

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày: 31 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu
Ông Bùi Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

BÙI VĂN T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1992 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi ĐKKHKT/Chỗ ở: Xóm R, xã A, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Bùi Thị R; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Có 02 tiền án. Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2022, tạm giam từ ngày 28/01/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến:

Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1964. Trú tại: Phố L2, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966. Trú tại: Phố L1, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện chất ma túy nên khoảng 18 giờ ngày 25/01/2022, Bùi Văn T đi xe buýt từ nhà đến phố C, thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, Bùi Văn T mua được của một người đàn ông không quen biết 05 gói ma túy với giá 500.000 đồng và đón xe buýt về nhà. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Văn T xuống xe buýt tại khu vực phố L1, xã V, huyện Lạc Sơn tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Lạc Sơn phối hợp với Công an xã V bắt quả tang Bùi Văn T đang cầm trong lòng bàn tay phải 05 gói giấy bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, bị cáo khai là chất ma túy.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn T, sau giám định còn 05 mẫu, gồm mẫu 1: 0,006g; mẫu 2: 0,03g; mẫu 3: 0,04g; mẫu 4: 0,03g; mẫu 5: 0,02g. Số ma túy trên được niêm phong theo quy định của pháp luật hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình chờ xử lý.

Tại kết luận giám định số 32/KLGD-CAT-PC09, ngày 27/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng thu giữ từ bị cáo Bùi Văn T là Heroine, khối lượng 0,21 (*Không phải hai mươi mốt*) gam.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 27/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo tại thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân dạng, căn cước nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh, điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo do bị cáo là người không có điều kiện về kinh tế. Về vật chứng của vụ án: đề nghị tịch thu, tiêu hủy phong bì niêm phong bên trong chứa chất ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung cáo trạng phản ánh và luận tội của Kiểm sát viên; không kêu oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Ngày 25/01/2022, bị cáo Bùi Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; trong lòng bàn tay phải của mình 0,21gam ma túy, loại Heroine mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Mặc dù số lượng ma túy bị cáo tàng trữ nằm trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam nhưng bị cáo đã hai lần phạm tội; đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo*: Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất gây nghiện của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Bản thân bị cáo là người có nhận thức xã hội, có hiểu biết pháp luật, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng lại nghiện chất ma túy, không từ bỏ được ma túy mặc dù đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguyên nhân gây mất an ninh trật tự xã hội, gây ra các tệ nạn xã hội và là nguồn gốc làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, biết nhà nước cấm tàng trữ các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân bình thường đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo là tình tiết Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo không có

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về vật chứng của vụ án*: Vật chứng là mẫu vật Heroine hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình là các chất ma túy, là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính ngày tạm giữ 25/01/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình bên trong có 05 mẫu vật ma túy còn lại sau giám định gồm mẫu 1: 0,006g; mẫu 2: 0,03g; mẫu 3: 0,04g; mẫu 4: 0,03g; mẫu 5: 0,02g.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng số 22 và Phiếu nhập kho số NK 022 ngày 27/4/2022).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Cơ quan điều tra – CA Lạc Sơn;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn